

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NAM LONG PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NAM LONG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY CP ĐTXD NAM LONG PHÁT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502272884

**3. Ngày thành lập:** 12/01/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

1217 đường 30/4, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 064.3848223

Fax: 064.3848223

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Mua bán hàng bách hóa, kim khí điện máy; Mua bán phế liệu, các chất thải từ dầu (chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường) | 4669     |
| 2.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Mua bán xăng dầu, nhớt, gas                                                                                                                                      | 4661     |
| 3.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>(không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường)                                                              | 1610     |
| 4.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>(không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường)                                                               | 3100     |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                    | 4663     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Mua bán dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                          | 4649     |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng)                                                                                                                                                           | 4312     |
| 8.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác<br>(không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường)                                           | 1621     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, công trình cấp thoát nước và xử lý nước thải, công trình điện đến 35KV                                                                        | 4290(Chính) |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                     | 4311        |
| 11. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>(không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường)                    | 1629        |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                               | 4220        |
| 13. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng<br>(không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường)                                                                                     | 1622        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                      | 4321        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống chống sét (chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Nghị định số 79); Lắp đặt trang thiết bị y tế, trang thiết bị thí nghiệm | 4329        |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất                                                                                                                                                                                      | 4330        |
| 17. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                       | 4752        |
| 18. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông                                                                                                                                                                      | 4210        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**9. Danh sách cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐỨC LINH  | 801 đường 30/4, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 30        | 273367999                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 30        |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN ĐỨC DẦN   | Số 801 đường 30/4, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 30        | 273229551                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 30        |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN ĐỨC HOÀNG | 801 đường 30/4, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 40        | 273067104                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 40        |                                                                                             |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 10/03/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 273367999

Ngày cấp: 05/10/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

801 đường 30/4, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

847/7 đường 30/4, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu